TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Phạm Thanh Hải; ông Nguyễn Thanh Thuần.

***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số nhà A, đường G, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Phục T, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Phục T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bé N trình bày*: Bà và ông Nguyễn Phục T tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo số 24, ngày 10/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2020 thì sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Lê Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phục T.

Bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 11/5/2014 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 20/12/2018. Khi ly hôn, bà Lê Thị Bé N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thanh H2 và giao cho ông Nguyễn Phục T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh H; không yêu cầu ông Nguyễn Phục T cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Lê Thị Bé N (bản sao); Giấy khai sinh cấp cho Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh H1 (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) và Bản tự khai (bản chính); xác nhận thông tin về cư trú đối với ông Nguyễn Phục T (bản chính).

- *Bị đơn ông Nguyễn Phục T*: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Thấy rằng, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 11/5/2014 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 20/12/2018. Hiện nay bà N nuôi dưỡng cháu H1 và ông P nuôi dưỡng cháu H. Do đó tiếp tục giao cho bà N quyền nuôi dưỡng cháu H1, còn ông P nuôi dưỡng cháu H là phù hợp; bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Phục T, có nơi cư trú tại ấp A, xã A, thị xã T. Xét đây là

tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Phục T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 10/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng từ năm 2020 bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phục T nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bé N. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên bà N khởi kiện ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Bé N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 11/5/2014 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 20/12/2018; bà Lê Thị Bé N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và giao cho ông T nuôi dưỡng cháu H.

Xét, hiện nay bà N nuôi dưỡng cháu H1 và ông P nuôi dưỡng cháu H, để không làm thay đổi điều kiện sinh hoạt, học tập và hoàn cảnh của các cháu, do đó giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé N.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bé N được ly hôn với ông Nguyễn Phục T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Bé N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 20/12/2018; Giao cho ông Nguyễn Phục T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 11/5/2014; bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Bé N và ông Nguyễn Phục T cùng các thành viên gia đình không được cản trở các bên quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Bé N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2022/0009301 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; bà Lê Thị Bé N đã nộp đủ án phí; ông Nguyễn Phục T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND xã An Nông (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ